



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN THỊ ANH KIỀU

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 834 04 10

Đà Nẵng - Năm 2024

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Bảo

Phản biện 1: PGS.TS. Trương Hồng Trình

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng

Đề án được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 04 tháng 01 năm 2025.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Kon Tum là một trong những tỉnh có độ che phủ rừng lớn, với tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 967.418,3 ha, diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp là 779.013,21 ha, diện tích đất có rừng 602.334,02 ha, diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng 176.679,19 ha, độ che phủ của rừng chiếm 62,3%, tổng trữ lượng gỗ 83,316 triệu m³ đây được xem là thế mạnh của ngành lâm nghiệp. Kon Tum sở hữu một hệ sinh thái phong phú với nhiều loài động thực vật quý hiếm;

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội trong những năm gần đây, số lượng và chất lượng rừng của khu vực Tây Nguyên nói chung và tỉnh Kon Tum nói riêng đang sụt giảm nghiêm trọng; việc tàn phá rừng và mất môi trường sống đang gia tăng ở nhiều nơi; hậu quả của rừng bị phá hủy, nhiều loài có thể bị đe dọa hoặc tuyệt chủng, mất rừng có thể dẫn đến tình trạng xói mòn đất, lũ lụt và thay đổi khí hậu, mất mát của rừng sẽ làm tăng lượng CO₂ trong khí quyển, góp phần vào sự nóng lên toàn cầu.

Sự mất rừng do nhiều nguyên nhân, có thể kể đến như: việc mở rộng sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, do khai thác gỗ, nông nghiệp, đô thị hóa, và các hoạt động kinh tế khác, về công tác bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR), công tác quản lý rừng và đất lâm nghiệp còn nhiều yếu kém...

Hơn thế nữa, nhiều dự án, công trình, đường giao thông được triển khai xây dựng, điển hình như dự án thủy điện “Thượng Kon Tum”, dự án chuyển đổi rừng sang trồng cao su, dự án xây dựng tuyến đường Hồ Chí Minh, đường tuần tra biên giới, đường Đông Trường Sơn, xây mới các nhà chùa... làm giảm quỹ đất lâm nghiệp

và là điều kiện thuận lợi cho các đối tượng lâm tặc lợi dụng để khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái phép.

Với nhận thức việc bảo vệ rừng nói chung và bảo vệ rừng ở Kon Tum nói riêng có tầm quan trọng rất lớn đối với sự cân bằng sinh thái, sự phát triển bền vững và cuộc sống của con người; việc bảo vệ rừng không chỉ là vấn đề môi trường mà còn là vấn đề xã hội và kinh tế. Các hành động bảo tồn và quản lý rừng bền vững đóng vai trò thiết yếu trong việc đảm bảo tương lai cho hành tinh và các thế hệ tương lai.

Chính vì điều đó, bản thân tôi chọn đề án ***“Quản lý nhà nước về bảo vệ rừng trên địa bàn Tỉnh Kon Tum”***; đề tài được thực hiện nhằm phân tích thực trạng hoạt động Quản lý nhà nước (QLNN) trong việc bảo vệ rừng (BVR) trên địa bàn Tỉnh Kon Tum. Dựa trên phân tích các số liệu liên quan, xác định các vấn đề còn bất cập trong hoạt động quản lý và bảo vệ rừng của tỉnh, sẽ đề xuất các giải pháp có thể thực hiện nhằm tác động và nâng cao hiệu quả quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Mục tiêu của đề án

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động QLNN về BVR trên địa bàn tỉnh Kon Tum đề đề xuất các giải pháp chủ yếu và tổ chức thực hiện nhằm tăng cường công tác QLNN trong lĩnh vực BVR trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hoá các vấn đề lý luận cơ bản của QLNN về bảo vệ rừng

- Phân tích đánh giá thực trạng QLNN về bảo vệ rừng trên địa

bàn tỉnh Kon Tum trong thời gian qua, chỉ ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác QLNN về bảo vệ rừng của Tỉnh Kon Tum.

- Đề xuất một số giải pháp tăng cường hoạt động QLNN về bảo vệ rừng trên địa bàn Tỉnh Kon Tum trong thời gian đến.

- Tổ chức thực hiện đề án

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề án nghiên cứu những vấn đề thực tiễn liên quan đến QLNN về bảo vệ rừng ở cấp Tỉnh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Đề án nghiên cứu những vấn đề liên quan đến QLNN về bảo vệ rừng ở phạm vi cấp tỉnh.

- Phạm vi về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại Tỉnh Kon Tum.

- Phạm vi về thời gian: Các số liệu về thực trạng hoạt động QLNN về BVR trên địa bàn Tỉnh Kon Tum, từ năm 2021 – 2023.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

a. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Các dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan như: Chi cục kiểm lâm tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNN), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Một số dữ liệu được thu thập như sau: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong giai đoạn 2021 – 2023. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện

chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế; phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Các báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng 6 tháng, hằng năm của Ban chỉ đạo công tác quản lý và phát triển rừng tỉnh Kon Tum. Dự án Quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số liệu về QLBRV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2023.

b. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp là nguồn số liệu được thu thập thông qua điều tra, khảo sát. Phương pháp điều tra, khảo sát dựa trên phỏng vấn trực tiếp thông qua phiếu điều tra

+ *Nội dung khảo sát:* Phiếu khảo sát chủ yếu nghiên cứu về công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh KonTum bao gồm: Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng của Tỉnh Kon Tum; Ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng; Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ rừng; Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng; Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng; (*Xem phụ lục số 1*)

+ *Đối tượng khảo sát:* là các cán bộ, công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ rừng.

+ *Phương pháp chọn mẫu:* Tác giả đã tiến hành lựa chọn hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên thuận lợi để tiến hành nghiên cứu. Lý do để lựa chọn phương pháp chọn mẫu này vì các cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng ở cấp tỉnh, cấp Huyện và cấp xã thuộc tỉnh Kon Tum là những người có kiến thức và hiểu

biết về công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng, họ sẵn sàng trả lời bảng câu hỏi điều tra khảo sát. Ngoài ra phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đảm bảo tính khách quan, ít tốn thời gian và chi phí để thu thập thông tin.

+ *Kích thước mẫu*: Tác giả đã điều tra khảo sát 200 phiếu điều tra. Căn cứ danh sách các cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng ở cấp tỉnh, cấp Huyện và cấp xã thuộc tỉnh Kon Tum

+ *Thời gian khảo sát*: Trong thời gian từ 1/10/2024 đến 30/10/2024. Với mỗi phiếu khảo sát, tác giả đều gặp trực tiếp các đối tượng được hỏi và trao đổi thông tin chi tiết về nội dung phỏng vấn, nhằm giúp các đối tượng được hỏi nắm được các mục tiêu của khảo sát, từ đó đưa ra các ý kiến đánh giá khách quan và phù hợp nhất.

4.2. Phương pháp phân tích

Căn cứ vào số liệu thu thập, sử dụng phương pháp luận kết hợp với phương pháp thống kê, tổng hợp, so sánh nhằm tìm hiểu, đánh giá và giải thích các yếu tố hoặc thông tin liên quan.

- **Phương pháp thống kê**: là một quá trình điều tra thống kê, tổng hợp thống kê số liệu về các nội dung cần phân tích và dự báo; giúp phát hiện ra những quy luật của hiện thực khách quan trong công tác QLNN về BVR tại địa phương nghiên cứu.

- **Phương pháp tổng hợp**: là quá trình kết hợp thông tin, dữ liệu, hoặc ý tưởng từ nhiều nguồn khác nhau, cung cấp thông tin tổng hợp, nhìn nhận vấn đề một cách tổng quát, toàn diện và chính xác; hỗ trợ việc ra quyết định chính xác, hiệu quả.

- **Phương pháp so sánh**: được sử dụng để đánh giá, phân tích và đối chiếu các yếu tố, hiện tượng, hoặc dữ liệu từ nhiều nguồn

khác nhau; so sánh các nguồn thông tin để xác định tính chính xác và đáng tin cậy của dữ liệu; so sánh phân tích là đối chiếu các chỉ tiêu, các hiện tượng kinh tế đã được lượng hóa, có nội dung và tính chất tương tự để xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu.

- **Phương pháp phân tích:** phương pháp phân tích giúp chia nhỏ và đánh giá các phần của vấn đề hoặc dữ liệu để hiểu rõ hơn, đồng thời đưa ra những đánh giá, nhận xét nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu, đưa ra quyết định chính xác hơn.

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

Các nghiên cứu, khảo sát của đề tài làm cơ sở để chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan có thể tham khảo, nghiên cứu giúp cho việc hoàn thiện các cơ chế chính sách và ban hành các văn bản liên quan đến bảo vệ rừng; đề án làm rõ thực trạng QLNN về BVR trên địa bàn tỉnh Kon Tum, đề xuất các giải pháp chủ yếu có giá trị tham khảo trong công tác QLNN về bảo vệ rừng nhằm hướng đến mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum bền vững.

6. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, đề án bao gồm các nội dung chủ yếu sau thể hiện ở 4 chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý của quản lý nhà nước về bảo vệ rừng

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Chương 3: Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Chương 4: Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ RỪNG

1.1. Khái quát về quản lý nhà nước về bảo vệ rừng

1.1.1. Một số khái niệm

Khái niệm về bảo vệ rừng

Khái niệm quản lý nhà nước về bảo vệ rừng

QLNN về bảo vệ rừng là quá trình các cơ quan, cá nhân trong bộ máy nhà nước đề ra các chủ trương, chính sách, xây dựng hệ thống văn bản pháp luật và sử dụng nó để điều chỉnh các hoạt động quản lý nhằm đạt được những yêu cầu, mục đích của mình về bảo vệ rừng.

1.1.2. Vai trò của công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng

1.1.3. Nguyên tắc của công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng

- a. Bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của nhà nước
- b. Bảo đảm sự phát triển bền vững
- c. Bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa các lợi ích
- d. Đảm bảo tính kế thừa và tôn trọng lịch sử

1.2. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ rừng

1.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng

Tổ chức bộ máy quản lý là quá trình dựa trên các chức năng, nhiệm vụ đã được xác định của bộ máy quản lý để sắp xếp về lực lượng, bố trí về cơ cấu, xây dựng về mô hình và giúp cho toàn bộ hệ thống quản lý hoạt động như một chỉnh thể có hiệu quả nhất.

**Tiêu chí đánh giá:* Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo

vệ rừng phù hợp; Chức năng, nhiệm vụ các cơ quan trong bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng rõ ràng, hợp lý; Các cơ quan, ban ngành liên quan phối hợp nhịp nhàng trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng; Bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng đảm bảo đủ số lượng cán bộ, công chức theo biên chế; Năng lực cán bộ, công chức quản lý nhà nước về bảo vệ rừng đảm bảo về trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.2.2. Ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng

Căn cứ vào sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh; Ủy ban nhân dân Tỉnh đã cụ thể thành Chương trình công tác trọng tâm, kế hoạch tổ chức thực hiện các đầu việc, phân công cụ thể: cơ quan chủ trì, cơ quan thực hiện, người chỉ đạo, thời gian hoàn thành. Đồng thời giao nhiệm vụ Văn phòng Tỉnh Ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân Tỉnh kiểm tra, đôn đốc, phối hợp thực hiện và hàng tháng tổ chức đánh giá tại cuộc họp thường kỳ làm cơ sở nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm.

* Tiêu chí đánh giá: Các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng được ban hành tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng đầy đủ, hợp lý, rõ ràng và dễ thực hiện; Người dân tiếp cận nội dung văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng dễ dàng, thuận lợi; Ý kiến góp ý của người dân được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm

pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng; Các quy định về bảo vệ rừng phù hợp với thực tiễn và có hiệu quả, nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người dân.

1.2.3. Xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ rừng

Việc lập quy hoạch, kế hoạch BV&PTR dựa trên các nguyên tắc: Phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển KT – XH, an ninh quốc phòng (ANQP); chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cả nước và từng địa phương; Quy hoạch, kế hoạch BV&PTR của các cấp phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các cấp xã, huyện, tỉnh và cả nước; Đồng bộ với việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

* *Tiêu chí đánh giá:* Quy hoạch bảo vệ rừng gắn kết với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH chung của Tỉnh; Công tác quản lý quy hoạch bảo vệ rừng được quan tâm đúng mức; Chất lượng quy hoạch bảo vệ rừng đáp ứng nhu cầu thực tiễn; Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ rừng bám sát theo nhu cầu thực tế của địa phương; Quy hoạch bảo vệ rừng được công bố công khai; Kế hoạch bảo vệ rừng xuất phát từ nhu cầu của địa phương; Kế hoạch bảo vệ rừng đảm bảo tính khoa học, tính đồng bộ; Kế hoạch bảo vệ rừng đảm bảo đạt hiệu kinh tế xã hội cao; Kế hoạch bảo vệ rừng dựa vào định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2.4. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng.

Cơ quan ban ngành cần có những giải pháp đẩy mạnh công tác

tuyên truyền, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, hình thành ý thức tự giác bảo vệ rừng trong nhân dân, đặc biệt đối với những người dân địa phương vùng sâu, vùng xa sống gần rừng, ngăn chặn và hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng phá rừng và nạn khai thác rừng trái phép.

* *Tiêu chí đánh giá:* Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng được triển khai kịp thời, đúng đối tượng; Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng được thực hiện thường xuyên; Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng đa dạng, phong phú; Nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng ngắn gọn, dễ hiểu; Cán bộ, công chức làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng đảm bảo về trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.2.5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về BVR là một nội dung rất quan trọng của QLNN nhằm nâng cao tính hiệu lực trong QLNN; Uốn nắn, điều chỉnh, xử lý kịp thời hành vi vi phạm nhằm ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, dẫn dắt quá trình BVR đi đúng hướng và đạt mục tiêu đề ra. Ngoài ra, trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát, có thể phát hiện những điểm bất hợp lý của các chủ trương chính sách để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

* *Tiêu chí đánh giá:* Công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra

đúng qui định pháp luật; Công tác xử lí vi phạm trong bảo vệ rừng đúng qui định pháp luật; Các quy định pháp lý cụ thể và các chế tài đủ sức răn đe; Tần suất, thời gian các cuộc thanh tra, kiểm tra bảo vệ rừng hợp lý; Năng lực chuyên môn của cán bộ công chức thực hiện thanh tra, kiểm tra bảo vệ rừng phù hợp; Nội dung kết luận, biên bản thanh tra, kiểm tra bảo vệ rừng rõ ràng, phù hợp với các quy định pháp lý.

1.3. Căn cứ pháp lý của đề án

1.3.1. Các văn bản pháp lý của trung ương

- Luật Đất đai số: 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH và các văn bản hướng dẫn.
- Thông tư số 34/2009/TT-BNNPTNT (10/6/2009) quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng.
- Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của kiểm lâm.
- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP, ban hành ngày 09/09/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020.
- Luật Lâm Nghiệp, Luật số 16/2017/QH14 ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2017.

1.3.2. Các văn bản pháp lý của địa phương

- Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 7/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021

- Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 Ban hành cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 về việc Ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng của từng cấp và phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- Văn bản số 4061/UBND-NNTN ngày 30/11/2022 về việc mở đợt cao điểm tuần tra, truy quét và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn toàn tỉnh

- Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 30/12/2022 về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- Kế hoạch số 1476/KH-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về khắc phục các hạn chế và tăng cường công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng trên địa bàn tỉnh

- Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 5/5/2023 về sửa đổi, bổ sung điểm 3.1, khoản 3, Điều 1 Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

2.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Kon Tum

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm kinh tế

Quy mô tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn tỉnh (GRDP) đến cuối năm 2022 đạt 30.849 tỷ đồng, Năm 2023 đạt khoảng 34.100 tỷ đồng, đạt 77,7% mục tiêu; tốc độ tăng trưởng hằng năm ở mức khá, bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 8,77%/năm, đạt 87,7% mục tiêu. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng, giảm dần tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2023 đạt khoảng 67.857 tỷ đồng, đạt 57,51% mục tiêu. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến hết năm 2023 ước đạt 4.500 tỷ đồng, đạt 90% mục tiêu. Thu nhập bình quân đầu người đạt 57,8 triệu đồng vào cuối năm 2023, đạt 82,53% mục tiêu.

2.1.3. . Đặc điểm xã hội

Kon Tum có 9 huyện và 1 thành phố với 102 xã phường thị trấn với 874 thôn làng tổ dân phố. Theo số liệu thống kê, dân số trung bình năm 2023 của tỉnh Kon Tum là 587615 Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,36% ; mật độ Dân số khu vực thành phố Kon Tum dân cư đông nhất có 407 Người/km²; Huyện Ia H'Drai có mật độ dân cư thấp nhất 13 người/km². Kon Tum có 28 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc kinh chiếm đa số tỷ lệ 46,8%, các dân tộc thiểu số

chiếm trên 53,2%, trong đó, 6 dân tộc ít người sinh sống lâu đời bao gồm: Xơ Đăng, Bana, Giẻ-Triêng, Gia Rai, Brâu và Rơ Măm. Một số dân tộc thiểu số ở các tỉnh khác đã đến Kon Tum sinh sống, tạo cho thành phần dân tộc trong tỉnh ngày càng đa dạng.

2.2. Hiện trạng rừng tỉnh Kon Tum

Tình trạng rừng của Kon Tum chủ yếu là rừng tự nhiên và rừng trồng, đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, độ che phủ rừng của tỉnh Kon Tum năm 2021 ước tính khoảng 58-60%, năm 2022, độ che phủ rừng của tỉnh Kon Tum ước đạt khoảng 61-62%; tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong công tác bảo vệ và phát triển rừng, bao gồm việc tăng cường quản lý tài nguyên rừng, trồng rừng mới và phục hồi rừng bị suy giảm. Đến năm 2023, công tác trồng rừng được tích cực triển khai, ước thực hiện cả năm trồng được 4.929 ha, đạt 123,2% kế hoạch; khoán bảo vệ rừng 135.323,9 ha; chăm sóc rừng 8.540,75 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 1.823,62 ha, độ che phủ rừng 63,69 %.

2.3. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng của Tỉnh Kon Tum

2.3.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng của Tỉnh Kon Tum

Theo số liệu khảo sát tỷ lệ người được khảo sát đồng ý với tiêu chí Năng lực cán bộ, công chức quản lý nhà nước về bảo vệ rừng đảm bảo về trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. là 51%. Tuy nhiên tỷ lệ người được khảo sát không đồng ý với tiêu chí Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng phù hợp là 46%,

không đồng ý với tiêu chí Chức năng, nhiệm vụ các cơ quan trong bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng rõ ràng, hợp lý là 49%. Tỷ lệ người được khảo sát không đồng ý với tiêu chí Các cơ quan, ban ngành liên quan phối hợp nhịp nhàng trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng là 44%, tiêu chí Bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng đảm bảo đủ số lượng để thực hiện chức năng nhiệm vụ là 47%. Điều này cho thấy cần hoàn thiện công tác ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng trong thời gian tới.

2.3.2. Thực trạng công tác ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ rừng

Theo số liệu khảo sát tỷ lệ người được khảo sát đồng ý với tiêu chí Các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng được ban hành tuân thủ đúng quy định của pháp luật là 44%. Tuy nhiên tỷ lệ người được khảo sát không đồng ý với tiêu chí Nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng đầy đủ, rõ ràng và dễ thực hiện là 55%, không đồng ý với tiêu chí Người dân tiếp cận nội dung văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng dễ dàng, thuận lợi là 56%. Tỷ lệ người được khảo sát trên địa bàn không đồng ý với tiêu chí Ý kiến góp ý của người dân được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về bảo vệ rừng là 47%, tiêu chí Các quy định về bảo vệ rừng phù hợp với thực tiễn và có hiệu quả, nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người dân là 40%.

2.3.3. Thực trạng công tác tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ rừng Tỉnh Kon Tum

Theo số liệu khảo sát tỷ lệ người được khảo sát đồng ý với tiêu chí Quy hoạch bảo vệ rừng gắn kết với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH chung của Tỉnh là 50%, tiêu chí Chất lượng quy hoạch bảo vệ rừng đáp ứng nhu cầu thực tiễn là 61% và tiêu chí Quy hoạch bảo vệ rừng được công bố công khai là 43%. Tuy nhiên tỷ lệ người được khảo sát không đồng ý với tiêu chí Công tác quản lý quy hoạch bảo vệ rừng chưa được quan tâm đúng mức là 60%, không đồng ý với tiêu chí Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ rừng bám sát theo nhu cầu thực tế của địa phương là 40%. Tỷ lệ người được khảo sát trên địa bàn không đồng ý với tiêu chí Kế hoạch bảo vệ rừng đảm bảo tính khoa học, tính đồng bộ là 50%, tiêu chí Kế hoạch bảo vệ rừng đảm bảo đạt hiệu kinh tế xã hội cao là 40%, tiêu chí Kế hoạch bảo vệ rừng dựa vào định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là 45%.

2.3.4. Thực trạng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng Tỉnh Kon Tum

Theo số liệu khảo sát tỷ lệ người được khảo sát đồng ý với tiêu chí Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng đa dạng, phong phú là 33%. Tuy nhiên tỷ lệ người được khảo sát không đồng ý với tiêu chí Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng được triển khai kịp thời, đúng đối tượng là 43%, không đồng ý với tiêu chí Nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng ngắn gọn, dễ hiểu là 51%.

Tỷ lệ người được khảo sát trên địa bàn không đồng ý với tiêu chí Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng được thực hiện thường xuyên là 40%, tiêu chí Cán bộ, công chức làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng đảm bảo về trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ là 45%.

2.3.5. Thực trạng công tác tuần tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng

Theo số liệu khảo sát tỷ lệ người được khảo sát đồng ý với tiêu chí Công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra đúng qui định pháp luật là 46% và tiêu chí Công tác xử lý vi phạm trong bảo vệ rừng đúng qui định pháp luật là 55% và tiêu chí Nội dung kết luận, biên bản thanh tra, kiểm tra bảo vệ rừng rõ ràng, phù hợp với các quy định pháp lý là 45%. Tuy nhiên tỷ lệ người được khảo sát không đồng ý với tiêu chí Các quy định pháp lý cụ thể và các chế tài đủ sức răn đe là 50%, không đồng ý với tiêu chí Tần suất, thời gian các cuộc thanh tra, kiểm tra bảo vệ rừng hợp lý là 63%. Tỷ lệ người được khảo sát trên địa bàn không đồng ý với tiêu chí Năng lực chuyên môn của cán bộ công chức thực hiện thanh tra, kiểm tra bảo vệ rừng phù hợp là 46%.

2.4. Đánh giá chung về công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng Tỉnh Kon Tum

2.4.1. Những mặt thành công

2.4.2. Những mặt hạn chế

2.4.3. Nguyên nhân của những mặt hạn chế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

3.1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng quản lý nhà nước về bảo vệ rừng Tỉnh Kon Tum

3.1.1. Quan điểm

3.1.2. Mục tiêu

3.1.3. Định hướng quản lý nhà nước về bảo vệ rừng tỉnh Kon Tum

3.2. Một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng trên địa bàn Tỉnh Kon Tum

3.2.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ rừng Tỉnh Kon Tum

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngành lâm nghiệp tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp; kiện toàn hệ thống kiểm lâm, tăng cường lực lượng kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, ưu tiên khu vực trọng điểm về phá rừng, khai thác và vận chuyển lâm sản trái pháp luật; đã phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, địa phương, trách nhiệm của chủ rừng.

3.2.2. Hoàn thiện công tác ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ rừng

tiến hành rà soát hệ thống các chính sách, quy định pháp luật trong lĩnh vực BVR, từ đó chỉ ra các quy định chồng chéo, khắc phục những bất cập liên quan đến chính sách đã triển khai, cụ thể vẫn còn

sự thiếu thống nhất giữa sở NN&PTNT và sở Tài nguyên & Môi trường đối với chính sách giao rừng, đất rừng cho chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân; cần đảm bảo mỗi chủ thể được giao đất, giao rừng đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng. Bên cạnh đó, cần ban hành văn bản cụ thể phân công rõ ràng tránh sự chồng chéo giữa công tác xử lý vi phạm giữa lực lượng Công an kinh tế và lực lượng Kiểm lâm.

3.2.3. Hoàn thiện công tác tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch; hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin về rừng

- Thực hiện rà soát và cập nhật quy hoạch bảo vệ rừng dựa trên các yếu tố mới như biến đổi khí hậu, thay đổi trong sử dụng đất và các yêu cầu bảo tồn sinh học. Đảm bảo quy hoạch phản ánh đúng tình hình thực tế và nhu cầu của địa phương; đảm bảo rằng quy hoạch được xây dựng dựa trên đánh giá tác động môi trường đầy đủ, bao gồm các yếu tố như ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cộng đồng địa phương. Hoàn thiện công tác quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp, trong đó bao gồm các công tác về đo đạc, cắm mốc ranh giới rừng.

3.2.4. Hoàn thiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng

Nghiên cứu đổi mới và tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; Đổi mới phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận thông tin, nhất là đối với đồng bào dân tộc sống ở vùng

sâu, vùng xa. Đưa kiến thức cơ bản về bảo vệ tài nguyên rừng vào trong chương trình giảng dạy ở cấp tiểu học và trung học cần có một số buổi để thông tin, thảo luận về giá trị của rừng, các hành vi nghiêm cấm và các hoạt động bảo vệ rừng góp phần nâng cao hiểu biết của thế hệ trẻ đối với sự nghiệp bảo vệ rừng.

3.2.5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng

Hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra, cụ thể, tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra, đồng thời xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về BVR và cán bộ, công chức có hành vi tiếp tay cho việc phá rừng. Người đứng đầu cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương nào để xảy ra tình trạng phá rừng phải bị xử lý, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp với các địa phương (*UBND các huyện, thành phố*) với các lực lượng chức năng (*Công an, Quân đội, Dân quân tự vệ, Biên phòng*) trong việc tuần tra, truy quét, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh theo các Quy chế, Kế hoạch phối hợp đã ký kết.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Với giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BVR Tỉnh Kon Tum

4.1.1. Phân công nhiệm vụ

- UBND tỉnh KonTum: Thành lập Ban chỉ đạo quản lý nhà nước về bảo vệ rừng tỉnh Kon Tum do Lãnh đạo tỉnh đứng đầu, các thành viên là đại diện các sở, ban ngành liên quan. Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát và điều phối các hoạt động bảo vệ rừng trên toàn tỉnh; thành lập các tiểu ban gồm các cơ quan liên quan để phụ trách tham mưu các lĩnh vực nhằm quản lý và bảo vệ rừng đạt hiệu quả cao.

4.1.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 1 từ 2025-2026
- Giai đoạn 2 từ 2027-2030

4.1.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

4.2. Với giải pháp hoàn thiện công tác ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVR

4.3.1. Phân công nhiệm vụ

- UBND tỉnh KonTum: Chủ trì lãnh đạo và chỉ đạo toàn bộ quá trình “xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đến BVR; thành lập Ban chỉ đạo hoặc Tổ công tác để thực hiện nhiệm vụ này. Tham mưu xây dựng kế hoạch tổng thể về hoàn thiện thể chế, chính sách đối với BVR; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành liên quan;

theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ đã giao. Quyết định ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách đã được thẩm định. Các sở, ban, ngành liên quan Sở Tư Pháp; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Công an

4.3.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 1: từ 2025-2026
- Giai đoạn 2: từ 2027-2030

4.3.3. Kinh phí, nguồn lực

4.3. Với giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch; hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin về rừng

4.1.1. Phân công nhiệm vụ

- UBND tỉnh KonTum: Có vai trò đứng đầu và chịu trách nhiệm chung về việc xây dựng, ban hành và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch về BVR. UBND có nhiệm vụ xây dựng và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch về BVR; chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao; phân bổ nguồn lực tài chính, nhân lực để thực hiện quy hoạch, kế hoạch về BVR; đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch về BVR khi cần thiết.

- Các sở, ban, ngành liên quan Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; Các UBND Huyện, UBND Xã

4.1.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 1: từ 2025 - 2026

- Giai đoạn 2: Từ 2027 - 2030

4.1.3. Kinh phí, nguồn lực

4.4. Với giải pháp hoàn thiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BVR

4.4.1. Phân công nhiệm vụ

- Cơ quan chủ trì Sở Thông tin và Truyền thông: Lập kế hoạch, chương trình tuyên truyền cụ thể, chi tiết. Xây dựng các tài liệu tuyên truyền (sổ tay hướng dẫn, poster, video,...). Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo cho người dân. Trực tiếp giải đáp thắc mắc, hỗ trợ người dân. Theo dõi, đánh giá hiệu quả của các hoạt động tuyên truyền. Xây dựng chiến lược truyền thông và giáo dục cộng đồng, chính sách cụ thể khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào quản lý rừng.

- Cơ quan phối hợp: UBND các Huyện, UBND Xã; Phòng Văn hóa - Thông tin Huyện; Các tổ chức đoàn thể; Các cơ quan truyền thông địa phương; Cộng đồng và các tổ chức xã hội

4.4.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 1: từ 2025 - 2026

- Giai đoạn 2: từ 2027-2030

4.4.3. Kinh phí, nguồn lực

4.5. Với giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về BVR

4.5.1. Phân công nhiệm vụ

- UBND tỉnh KonTum: Thành lập Ban chỉ đạo gồm các sở, ngành liên quan để chỉ đạo, điều phối toàn bộ quá trình thực hiện;

phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành chức năng như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ được giao; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, tổng kết, đánh giá kết quả và đề xuất các giải pháp điều chỉnh. Ứng dụng công nghệ giám sát và quản lý rừng; thực thi pháp luật và các quy định bảo vệ rừng nghiêm minh, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Công an tỉnh, Huyện, Xã

4.5.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 1: từ 2025-2026
- Giai đoạn 2: từ 2027-2030

4.5.3. Kinh phí, nguồn lực

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN

Việc giải quyết tồn tại, hạn chế và thách thức trong công tác quản lý và bảo vệ rừng tỉnh Kon Tum đòi hỏi một chiến lược tổng thể và sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, cộng đồng và các tổ chức xã hội. Những nỗ lực này không chỉ bảo vệ tài nguyên rừng mà còn góp phần bảo vệ môi trường sống của hàng triệu người dân, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của tỉnh Kon Tum trong tương lai.